CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
DN: C=VN, S=Kon Tum, O=CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900189364
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.03 15:22:27+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
SONG DA CORPORATION-JSC
SONG DA 3 JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 3 năm 2026
Quang Ngai, 28 March 2026

TÓM TẮT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025
SUMMARY
OF THE FINANCIAL STATEMENTS FOR THE YEAR 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 3

To: Shareholders of Song Da 3 Joint Stock Company

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;/ / *Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;*

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 3; / *Pursuant to the Charter of Song Da 3 Joint Stock Company;*

Căn cứ báo cáo kiểm toán độc lập số: 525 /2026/UHY-BCKT; số 526/2026/UHY-BCKT ngày 28/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Uhy; / *Pursuant to Independent Audit Reports No. 525/2026/UHY-BCKT and No. 526/2026/UHY-BCKT dated 28 March 2026 issued by UHY Auditing and Consulting Co., Ltd.;*

Kết quả các chỉ tiêu chính tại báo cáo năm 2025 đã được kiểm toán như sau:/ *The audited key financial indicators for the year 2025 are as follows:*

I. Báo cáo riêng công ty mẹ đã kiểm toán năm 2025.

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: / *Income Statement*:

Đvt: đồng/ Currency: dong

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Doanh thu / *Revenue*	**70,697,421,925**	**72,614,169,155**
Doanh thu thuần / *Net Revenue*	31,143,166,086	35,563,852,762
Doanh thu tài chính / *Financial Income*	39,546,878,136	35,009,232,251
Doanh thu khác / *Other Income*	7,377,703	2,041,084,142
Chi phí / Expenses	**73,638,801,187**	**104,998,072,289**
Giá vốn / *Cost of Goods Sold*	28,732,714,082	35,045,222,234

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Chi phí tài chính / *Financial Expenses*	29,009,544,110	29,873,075,693
Chi phí quản lý / *Administrative Expenses*	12,006,445,825	30,184,261,998
Chi phí khác / *Other Expenses*	3,890,097,170	9,895,512,364
Lợi nhuận trước thuế / *Profit Before Tax*	**-2,941,379,262**	**-32,383,903,134**

2. Về tình hình tài sản và nguồn hình thành / *Statement of Financial Position:*

Đvt: đồng/ Currency: dong

NỘI DUNG / *ITEM*	Số cuối năm / *Ending Balance*	Số đầu năm / *Beginning Balance*
TÀI SẢN / *ASSET*		
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN / *CURRENT ASSETS*	**381,826,149,665**	**444,274,140,622**
I. Tiền / *Cash*	5,100,191,172	7,096,602,414
II. Các khoản phải thu ngắn hạn / *Short-term Receivables*	228,370,216,016	281,885,640,861
III. Hàng tồn kho / *Inventories*	148,318,327,264	155,238,176,201
IV. Tài sản ngắn hạn khác / *Other Current Assets*	37,415,213	53,721,146
B – TÀI SẢN DÀI HẠN / *NON-CURRENT ASSETS*	**264,605,095,077**	**275,069,251,844**
I. Tài sản cố định / *Fixed Assets*	1,470,199,077	11,733,412,716
II. Tài sản dở dang dài hạn / *Long-term Work in Progress*	-	68,207,128
III. Đầu tư tài chính dài hạn / *Long-term Financial Investment*	263,134,896,000	263,267,632,000
IV. Tài sản dài hạn khác / *Other Non-current Assets*	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN / *TOTAL ASSETS*	**646,431,244,742**	**719,343,392,466**
NGUỒN VỐN / *RESOURCES*		
C – NỢ PHẢI TRẢ / *LIABILITIES*	**644,243,747,680**	**714,214,516,142**
I. Nợ ngắn hạn / *Short-term Liabilities*	422,066,144,130	441,826,912,592
II. Nợ dài hạn / *Long-term Liabilities*	222,177,603,550	272,387,603,550
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU / *OWNERS' EQUITY*	**2,187,497,062**	**5,128,876,324**
I. Vốn chủ sở hữu / *Equity*	2,187,497,062	5,128,876,324
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN / *TOTAL RESOURCES*	**646,431,244,742**	**719,343,392,466**

3. Về lưu chuyển tiền tệ/ *Cash Flow Statement*:

Đvt: đồng/ Currency: dong

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / *Net cash flow from operating activities*	2,274,710,622	18,809,193,120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư / *Net cash flow from investing activities*	46,328,878,136	1,988,286,335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính / *Net cash flow from financing activities*	-50,600,000,000	-15,036,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm / *Net cash flow during the year*	-1,996,411,242	5,761,479,455
Tiền và tương đương tiền đầu năm / *Cash and cash equivalents at beginning of year*	7,096,602,414	1,335,122,959
Tiền và tương đương tiền cuối năm / *Cash and cash equivalents at end of year*	5,100,191,172	7,096,602,414

4. Về tình hình thực hiện với Ngân sách Nhà nước/ *State Budget Contribution*: Trong năm 2025 đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 2,32 tỷ đồng cụ thể:/ *In 2025, the company paid VND 2.32 billion to the state budget*
   - Thuế GTGT: 0,80 tỷ đồng/ *VAT: VND 0.80 billion*
   - Thuế TNCN: 0,14 tỷ đồng/ *Personal Income Tax: VND 0.14 billion*
   - Các loại thuế khác: 0,18 tỷ đồng/ *Other taxes: VND 0.18 billion*
   - Bảo hiểm: 1,20 tỷ đồng/ *Insurance: VND 1.20 billion*

II. Báo cáo hợp nhất đã kiểm toán năm 2025./ *Audited Consolidated Financial Statements for 2025.*

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:/ *Income Statement*:

Đvt: đồng/ Currency: dong

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Doanh thu / *Revenue*	**170,534,952,264**	**127,948,623,415**
Doanh thu thuần / *Net Revenue*	170,416,822,699	125,653,225,113
Doanh thu tài chính / *Financial Income*	110,751,862	84,806,232
Doanh thu khác / *Other Income*	7,377,703	2,210,592,070
Chi phí / Expenses	**140,961,659,600**	**157,386,845,538**
Giá vốn / *Cost of Goods Sold*	61,734,918,544	55,261,755,067
Chi phí tài chính / *Financial Expenses*	47,273,451,903	48,276,005,303
Chi phí quản lý / *Administrative Expenses*	25,414,139,832	40,935,565,956
Chi phí khác / *Other Expenses*	6,539,149,321	12,913,519,212
Lợi nhuận trước thuế / *Profit Before Tax*	**29,573,292,664**	**(29,438,222,123)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN / *Profit After Tax*	**25,448,210,325**	**(31,748,634,302)**

2. Về tình hình tài sản và nguồn hình thành:/ *Statement of Financial Position*:

Đvt: đồng/ Currency: dong

NỘI DUNG / *ITEM*	Số cuối năm / *Ending Balance*	Số đầu năm / *Beginning Balance*
TÀI SẢN / *ASSET*		
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN / *CURRENT ASSETS*	**353,110,981,060**	**366,175,032,113**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền / *Cash and cash equivalents*	39,671,710,589	26,493,898,846
II. Các khoản phải thu ngắn hạn / *Short-term Receivables*	164,209,774,044	183,812,580,368
III. Hàng tồn kho / *Inventories*	148,651,605,945	155,486,520,507
IV. Tài sản ngắn hạn khác / *Other Current Assets*	577,890,482	382,032,392
B – TÀI SẢN DÀI HẠN / *NON-CURRENT ASSETS*	**607,296,323,337**	**631,460,664,086**
I. Các khoản phải thu dài hạn / *Long-term Receivables*	2,254,959,045	2,254,959,045
II. Tài sản cố định / *Fixed Assets*	550,481,383,813	519,613,839,388
III. Tài sản dở dang dài hạn / *Long-term Work in Progress*	12,952,812,194	76,958,044,149
IV. Đầu tư tài chính dài hạn / *Long-term Financial Investment*	4,831,616,000	4,964,352,000
V. Tài sản dài hạn khác / *Other Non-current Assets*	36,775,552,285	27,669,469,504
TỔNG CỘNG TÀI SẢN / *TOTAL ASSETS*	**960,407,304,397**	**997,635,696,199**
NGUỒN VỐN / *RESOURCES*		
C – NỢ PHẢI TRẢ / *LIABILITIES*	**913,926,275,685**	**973,844,736,953**
I. Nợ ngắn hạn / *Short-term Liabilities*	511,937,733,939	554,939,949,264
II. Nợ dài hạn / *Long-term Liabilities*	401,988,541,746	418,904,787,689
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU / *OWNERS' EQUITY*	**46,481,028,712**	**23,790,959,246**
I. Vốn chủ sở hữu / *Equity*	46,481,028,712	23,790,959,246
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN / *TOTAL RESOURCES*	**960,407,304,397**	**997,635,696,199**

3. Về lưu chuyển tiền tệ:/ *Cash Flow Statement*:

Đvt: đồng/ Currency: dong

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / *Net cash flow from operating activities*	47,839,516,794	69,271,809,294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư / *Net cash flow from investing activities*	(1,064,814,750)	-26,545,513,937

Nội dung / *Item*	Năm nay / *Current Year*	Năm trước / *Previous Year*
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính / *Net cash flow from financing activities*	(33,596,940,951)	-41,612,305,085
Lưu chuyển tiền thuần trong năm / *Net cash flow during the year*	13,177,761,093	1,113,990,272
Tiền và tương đương tiền đầu năm / *Cash and cash equivalents at beginning of year*	26,493,898,846	25,380,003,429
Tiền và tương đương tiền cuối năm / *Cash and cash equivalents at end of year*	39,671,710,589	26,493,898,846

4. Về tình hình thực hiện với Ngân sách Nhà nước/ *State Budget Contribution*: Trong năm 2025 đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 36,4 tỷ đồng cụ thể:/ *In 2025, the company paid VND 36.4 billion to the state budget*
   - Thuế GTGT: 12,4 tỷ đồng/ *VAT: VND 12.4 billion*
   - Thuế TNDN: 2,2 tỷ đồng/ *Corporate Income Tax: VND 2.2 billion*
   - Thuế TNCN: 0,2 tỷ đồng/ *Personal Income Tax: VND 0.2 billion*
   - Thuế tài nguyên: 17,9 tỷ đồng/ *Resource Tax: VND 17.9 billion*
   - Thuế nhà đất: 0,4 tỷ đồng/ *Land and Housing Tax: VND 0.4 billion*
   - Các loại thuế khác: 0,2 tỷ đồng/ *Other taxes: VND 0.2 billion*
   - Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 0,8 tỷ đồng/ *Water resource exploitation licensing fee: VND 0.8 billion*
   - Bảo hiểm: 2,3 tỷ đồng/ *Insurance: VND 2.3 billion*

Trên đây là các nội dung chính về số liệu được trình bày tại báo cáo tài chính năm 2025 *(Số liệu chi tiết có báo cáo kèm theo)./ The above is a summary of the main figures presented in the 2025 financial statements (Detailed data are available in the attached report).*

Trân trọng./. *Sincerely.*

Nơi nhận / Recipients:
- Như kính gửi / As above;
- Hội đồng quản trị / *Board of Management*;
- Ban kiểm soát / *Board of Supervisors*;
- Lưu: Tài liệu đại hội cổ đông năm 2026 / *Archived: Documents for Annual General Meeting of Shareholders of the year 2026.*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF MANAGEMENT
CHỦ TỊCH / *CHAIRMAN*

Nguyễn Tiến Trường

Mr. Nguyen Tien Truong